

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 23-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nước - Bà Trần Lệ Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Thạch Rine – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Thom - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2018 đối với:

Bị cáo: Hàng Thị Thu T, sinh năm 1968; Nơi đăng ký thường trú: số 407, Kiên Thị N, khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nơi sinh sống: khóm A, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: mua bán; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hàng Minh N (chết) và bà Trần Thị L (Chết). Bị cáo có chồng: Diệp Chí D, sinh năm 1968 và 03 người con lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án: năm 2014, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điều 138 Bộ Luật hình sự năm 1999. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù từ ngày 28/01/2016; Tiền sự: không có; Bị cáo bị tạm giữ ngày 15/5/2018 và chuyển tạm giam từ ngày 18/5/2018 đến nay.

Bị hại: - Ông **Nguyễn Thành D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở: Khóm D, phường E, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

- Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Khóm D, phường E, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông **Diệp Chí D**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khóm F, phường H, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Ông Nguyễn Thành D, bà Võ Thị N, ông Diệp Chí D có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số: 08/CT-VKS-HS ngày 16/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Hàng Thị Thu T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Hành vi bị truy tố của bị cáo Hàng Thị Thu T như sau: Vào khoảng 08 giờ ngày 30/11/2017, bị cáo Hàng Thị Thu T điều khiển xe mô tô biển số 61Z1-9508 mang theo 01 xô xách đệm và 04 cái bao ni long xuống thị xã Duyên Hải để mua phế liệu. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày khi bị cáo điều khiển xe đến nhà bà Võ Thị N thuộc khóm D, phường E, thị xã Duyên Hải nhìn thấy xung quanh nhà bà N có nhiều vật dụng phế liệu nên bị cáo đậu xe cặp lộ và mang giỏ đệm đi vào. Sau khi lượm được một ít phế liệu thì bị cáo nảy ý định vào nhà bà N để trộm cắp tài sản. Bị cáo đi vòng ra phía sau nhà bà N. Sau đó, bị cáo lấy cây kéo làm bằng kim loại màu đen để trên kệ tủ chén cắt một lỗ trên cánh cửa tol đang bị khóa cạnh chốt cửa, rồi bị cáo dùng ngón tay mở chốt cửa. Mở được cửa, bị cáo bỏ cây kéo vào trong giỏ xách rồi đi vào trong nhà, nhìn thấy 01 chiếc điện thoại hiệu MASSTEL Model A136 màu trắng có viền xanh để trên đầu giường bên tay phải theo hướng từ nhà dưới lên nhà trên nên lấy để vào túi áo. Đi lên nhà trên, bị cáo nhìn thấy 01 chiếc điện thoại hiệu NOKIA X màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt nên lấy để vào túi vào và đi ra ngoài khép cửa lại. Lúc này, bị cáo thấy nhà của ông Nguyễn Thành D cách nhà bà N một khoảng đất trống không đóng cửa nên bị cáo đi vào nhà ông D lấy 01 cái mô tura màu xám, loại 1.5 ngựa có gắn kết bằng sắt vào mô tura để vào giỏ xách đệm rồi mang ra ngoài xe. Sau đó, bị cáo lấy cây kéo và cái mô tura ra khỏi giỏ xách đệm để vào bao nilong màu trắng quấn lại để trên yên xe và ràng lại. Bị cáo điều khiển xe tiếp tục đi mua phế liệu. Mua được một ít phế liệu, bị cáo điều khiển xe quay về trên đường bị Công an phường E dừng xe và kiểm tra phát hiện số tài sản mà bà N và ông D báo mất.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Hàng Thị Thu T như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đề nghị xử phạt bị cáo Hàng Thị Thu T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên tịch thu và tiêu hủy: 01 bao nilong màu trắng, kích thước 60cm x 85cm.

Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại cho ông Diệp Chí D 01 xe mô tô biển số 61Z1-9508, nhãn hiệu HONDA CKD, màu sơn đỏ xám, số máy 451530, số khung 451530 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, tên chủ xe là Nguyễn Thị H.

Tại phiên tòa, bị cáo Hàng Thị Thu T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Thành D và bà Võ Thị N như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải mô tả và truy tố. Đối với bị hại ông Nguyễn Thành D và bà Võ Thị N trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt như sau: Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: ông, bà yêu cầu Tòa án xét xử theo quy định pháp luật; Về trách nhiệm dân sự trong vụ án: ông, bà không có yêu cầu gì. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Diệp Chí D trình bày trong đơn xin xét xử vắng mặt là ông yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô biển số 61Z1-9508 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, tên chủ xe là Nguyễn Thị H vì đây là tài sản chung của ông và bị cáo Hàng Thị Thu T.

Bị cáo và Kiểm sát viên không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Hàng Thị Thu T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của ông Nguyễn Thành D và bà Võ Thị N. Lời khai nhận tại phiên tòa của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tình tiết và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ chứng cứ để xác định: Vào khoảng 08 giờ ngày 30/11/2017, bị cáo Hàng Thị Thu T điều khiển xe mô tô biển số 61Z1-9508 xuống thị xã D để mua phế liệu. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày khi bị cáo điều khiển xe đến nhà bà Võ Thị N thuộc khóm D, phường E, thị xã D thì thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bà Võ Thị N gồm: 01 cây kéo làm bằng kim loại màu đen; 01 chiếc điện thoại hiệu MASSTEL Model A136 màu trắng có viền xanh; 01 chiếc điện thoại hiệu NOKIA X màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt. Tiếp theo, bị cáo vào nhà của ông Nguyễn Thành D lấy trộm của ông D 01 cái mô tua màu xám, loại 1.5 ngựa có gắn kết đăng bằng sắt.

[2] Theo Bản kết luận định giá ngày 28/12/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Duyên Hải kết luận: 01 chiếc điện thoại hiệu MASSTEL Model A136 màu trắng có viền xanh đã qua sử dụng trị giá 67.500 đồng; 01 chiếc điện thoại hiệu NOKIA X màu đen, màn hình cảm ứng bị nứt, đã qua sử dụng trị giá 50.000 đồng; 01 cái mô tua màu xám, loại 1.5 ngựa có gắn kết đăng bằng sắt vào mô tua, đã qua sử dụng trị giá 1.015.000 đồng; 01 cây kéo sắt có chiều dài 22cm, màu đen, đã qua sử dụng trị giá 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo

trộm cắp là 1.142.500 đồng. Bị cáo đã bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tổng giá trị là 1.142.500 đồng (dưới 2.000.000 đồng) là đã có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại hay có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm hại đến tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Thành D và bà Võ Thị N mà còn gây mất an ninh, trật tự công cộng tại địa phương. Bị cáo đã 03 lần bị kết án về hành vi trộm cắp tài sản. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù lần thứ 3 lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là thể hiện thái độ xem thường pháp luật, không biết sửa đổi. Bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi do bị cáo gây ra. Với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân tốt và răn đe, phòng ngừa chung cho mọi người. Như vậy, mới đáp ứng được yêu cầu phục vụ tình hình chính trị tại địa phương.

[4] Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng đã xem xét bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Trong giai đoạn điều tra, bị hại đã được trả lại toàn bộ tài sản bị mất trộm. Bị hại không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Vật chứng trong vụ án gồm: 01 bao nilong màu trắng, kích thước 60cm x 85cm là của bị cáo nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu và tiêu hủy. Đối với 01 xe mô tô biển số 61Z1-9508 và 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 61Z1-9508, tên chủ xe là Nguyễn Thị H thì quá trình điều tra đã làm rõ như sau: Khoảng năm 2013 chồng bà Nguyễn Thị H là ông Lê Thanh P đem xe đi cầm 5.000.000 đồng. Do không có tiền chuộc xe nên bà H nhờ em rể là Hồ Duy T chuộc lại xe và giao luôn giấy xe để ông T làm phương tiện đi lại. Khoảng năm 2014, ông T đã bán xe cho một người không rõ lai lịch. Cũng trong năm 2014, ông Triệu Văn M mua lại xe biển số 61Z1-9508 của một người không rõ họ tên, địa chỉ với giá 2.500.000 đồng. Cách mấy tháng sau ông Diệp Chí D là chồng bị cáo T hỏi mua chiếc xe biển số 61Z1-9508 bằng cách đổi chiếc cúp và bù thêm 1.500.000 đồng.

Bà H, ông T, ông M không có yêu cầu gì đối với chiếc xe. Ông Diệp Chí D yêu cầu được nhận lại xe. Xét chiếc xe biển số 61Z1-9508 là tài sản chung của ông Diệp Chí D và bị cáo Hàng Thị Thu T. Ông D không biết việc bị cáo điều khiển xe này đi trộm cắp tài sản. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên trả lại chiếc xe biển số 61Z1-9508 cho ông Diệp Chí D là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

[7] Từ những căn cứ như đã phân tích, Hội đồng xét xử xét thấy quyết định của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố bị cáo Hàng Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà vị Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị của Kiểm sát viên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng là phù hợp quy định pháp luật và có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: bị cáo Hàng Thị Thu T không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí, giảm án phí và không thuộc trường hợp không phải nộp án phí nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Hàng Thị Thu T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Áp dụng theo khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt: bị cáo Hàng Thị Thu T 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 15 tháng 5 năm 2018.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Về vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 01 bao nilong màu trắng, kích thước 60cm x 85cm. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại 01 xe mô tô biển số 61Z1-9508, nhãn hiệu HONDA CKD, màu sơn đỏ xám, số máy 451530, số khung 451530 và 01 giấy đăng ký xe mô tô, tên chủ xe là Nguyễn Thị H cho ông Diệp Chí D.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hàng Thị Thu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Bị cáo Hàng Thị Thu T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại ông Nguyễn Thành D, bà Võ Thị N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Diệp Chí D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được thông đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND tỉnh Trà Vinh (1);
- VKSND Tx.Duyên Hải (2);
- Chi cục THADS Tx.Duyên Hải (1);
- THAHS Công an Tx.Duyên Hải (3);
- CQĐT Công an Tx. Duyên Hải (1);
- Bị cáo (1);
- Bị hại (2);
- Đương sự (1);
- UBND phường C, F thành phố Trà Vinh (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh